

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 01-02-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiem;

Ông Lê Đình Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1985 – Có mặt;

Bị đơn: Anh Võ Thanh P, sinh năm 1977 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố G H, phường T B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H trình bày:

Chị và anh P chung sống với nhau từ năm 2001, không có tổ chức lễ cưới mà chỉ tổ chức lễ tuyên bố, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T B, huyện Trảng Bàng (nay là phường T B, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, chị đi làm công nhân còn anh P làm tài xế. Đến năm 2008 vợ chồng mua đất, xây nhà sống tại khu phố G H, thị trấn T B (nay là phường T B) đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P thường ghen tuông nên chửi, đánh chị, chị bỏ về quê nhưng gia đình anh P đến kêu chị về nên chị quay về chung sống lại. Anh P còn cho rằng 02 con chung không phải là con anh P. Đầu năm 2023, anh P tiếp tục ghen, đánh và đuổi chị đi nên chị dọn ra ở trọ và vợ chồng ly thân từ tháng 3-2023 đến nay. Tháng 5 năm 2023, chị đã nộp đơn ly hôn anh P nhưng qua hòa giải anh P hứa sửa đổi nên chị rút đơn để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi chị rút đơn anh P vẫn không thay đổi mà còn chặn đường đánh chị khi chị trên đường đi làm về. Sau đó anh P có đặt vấn đề đoàn tụ với chị 02 lần nhưng chị không đồng ý.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 20-4-2002 và Võ Thanh P1, sinh ngày 27-10-2008. Cháu D đã trưởng thành và tự dọn ra sống riêng, cháu P1 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng đối với cháu D, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P1, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại khu phố G H, phường T B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, trên đất có căn nhà của vợ chồng. Nay chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Trảng Bàng, nay chị không yêu cầu giải quyết về số nợ này.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Thanh P trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn nhau là do chị H thường đi uống rượu với bạn nên vợ chồng gây cãi nhau. Vào tháng 3-2023, anh không có đuổi chị H đi, mà do anh la rầy con gái lớn, trong lúc nóng giận anh có đuổi con đi thì chị H đi theo con ra nhà trọ sống đến nay. Khi chị H bỏ đi thì anh được biết chị H có tình cảm với một người đàn ông khác. Anh có chặn đường chị H để hỏi, nhưng chị H không thừa nhận việc có quan hệ tình cảm với người đàn ông đó nên anh nóng giận có đánh chị H. Anh thừa nhận việc anh đánh, chửi chị H trong lúc nóng giận là sai, anh hứa sẽ không đánh, chửi chị H nữa.

Nay anh yêu cầu đoàn tụ với chị H vì anh vẫn còn tình cảm với chị H và không muốn các con sống trong cảnh thiếu cha mẹ.

Nếu Tòa giải quyết cho vợ chồng ly hôn:

Về con chung: Cháu Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 20-4-2002 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với cháu Võ Thanh P1, sinh ngày 27-10-2008 nếu cháu muốn sống với ai thì

người đó nuôi dưỡng. Trường hợp cháu muốn sống với chị H thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu P1 theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mỹ H đối với anh Võ Thanh P.

Về con chung: Cháu Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 20-4-2002 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Giao cháu Võ Thanh P1, sinh ngày 27-10-2008 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H, anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T B (nay là phường T B) nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và tự ly thân từ tháng 3-2023 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P mất lòng tin với chị H về mặt tình cảm, mắng chửi và đánh chị H. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh P yêu cầu đoàn tụ vì anh còn tình cảm với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, cả chị H và anh P đều thừa nhận, năm 2023 chị H có nộp đơn ly hôn anh P, nhưng anh P năn nỉ, hứa sửa đổi nên chị H rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi chị H rút đơn thì chị H và anh P vẫn không đoàn tụ được. Trong thời gian ly thân, giữa chị H và anh P đều không có thiện chí hàn gắn mà anh P còn tiếp tục đánh chị H. Trong quá trình giải quyết

vụ án và tại phiên tòa, anh P yêu cầu đoàn tụ với chị H nhưng anh không có giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ, chị H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn anh P.

Từ những phân tích trên cho thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H và anh P có 02 con chung là cháu Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 20-4-2002 và Võ Thanh P1, sinh ngày 27-10-2008. Cháu D hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Cháu P1 hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P1, anh P cũng đồng ý giao cháu P1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến cháu P1, cháu cũng có nguyện vọng được theo sống với chị H nên Hội đồng xét xử giao cháu P1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P1 số tiền 900.000 đồng/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu P1 thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh P đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị H và anh P đều thừa nhận có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Trảng Bàng. Ngân hàng đã khởi kiện chị H và anh P, nhưng đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Chị H và anh P đều không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị H phải chịu án phí về việc ly hôn, anh P phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mỹ H đối với anh Võ Thanh P.

Chị Trần Thị Mỹ H được ly hôn anh Võ Thanh P.

2. Về con chung: Cháu Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 20-4-2002 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Giao cháu Võ Thanh P1, sinh ngày 27-10-2008 cho chị Trần Thị Mỹ H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Võ Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Thanh P1 số tiền 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu P1 thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027645, ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc